

Số: 12029/KH-UBND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 10 năm 2020

**KẾ HOẠCH**  
**Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam**  
**giai đoạn 2011-2020**

Thực hiện Quyết định số 1122/QĐ-BKHĐT ngày 13/7/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030; xây dựng chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xây dựng Kế hoạch tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011- 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Chiến lược giai đoạn 2011 - 2020) của tỉnh Đồng Nai; qua đó nêu bật những thành tích, hiệu quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2030; kiến nghị, đề xuất xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển thống kê Việt Nam và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thống kê.

- Khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong việc thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011 - 2020.

**2. Yêu cầu**

- Đánh giá cụ thể, khách quan kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thống kê và trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được phân công của các đơn vị Sở, Ngành; rà soát, thống kê hệ thống văn bản triển khai thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011-2020 của tỉnh và các số liệu liên quan bảo đảm đầy đủ, chính xác.

- Công tác tổ chức tổng kết Chiến lược giai đoạn 2011 - 2020 bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí; bảo đảm công tác phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành. Công tác khen thưởng thực hiện đúng quy định của Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, tránh khen thưởng dàn trải, hình thức.

## **II. NỘI DUNG**

**1. Thời gian tổ chức Hội nghị tổng kết:** Dự kiến tháng 10/2020.

**2. Địa điểm:** Trụ sở Cục Thống kê Đồng Nai; Địa chỉ: Đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

### **3. Thành phần tham dự**

- Lãnh đạo UBND tỉnh chủ trì hội nghị;
- Lãnh đạo Cục Thống kê Đồng Nai;
- Đại diện một số Sở, ngành liên quan trong quá trình thực hiện Chiến lược;
- Đại diện UBND các huyện, thành phố;
- Đại diện một số cơ quan báo chí của tỉnh;
- Đại diện các đơn vị, cá nhân có tham luận tại Hội nghị;
- Đại diện tập thể và các cá nhân được cấp có thẩm quyền khen thưởng thành tích thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011-2020.

### **4. Nội dung:**

a. Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011- 2020, gồm các nội dung sau:

- Công tác chỉ đạo triển khai thực hiện;
- Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thống kê; tác động của việc thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011-2020 đối với sự phát triển ngành Thống kê trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong 10 năm qua;
- Phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới;
- Các kiến nghị, đề xuất xây dựng Chiến lược giai đoạn 2021-2030;

b. Khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011-2020.

Căn cứ quy định của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013; các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Chiến lược, chương trình phát triển Thống kê giai đoạn 2011 - 2020 của tỉnh.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Cục Thống kê:** Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện các nội dung cụ thể như sau:

- Xây dựng Kế hoạch tổng kết thực hiện Chiến lược, chương trình phát triển Thống kê giai đoạn 2011- 2020 tỉnh Đồng Nai; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược, Chương trình phát triển Thống kê giai đoạn 2011-2020 của các Sở, ngành và các huyện, Thành phố. Thời gian: Trong tháng 8/2020.

- Tổ chức hội nghị tổng kết cấp tỉnh đánh giá việc thực hiện, chiến lược, Chương trình phát triển Thống kê giai đoạn 2011-2020; biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc theo thẩm quyền; lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng. Thời gian: Trước ngày 10/11/2020.

- Tổng hợp, hoàn thiện Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011 - 2020 tỉnh Đồng Nai. Thời gian: Kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh trước ngày 10/12/2020 để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, phục vụ Hội nghị tổng kết toàn quốc.

#### **2. Sở Nội Vụ:**

- Báo cáo công tác phối hợp với Sở, ngành liên quan củng cố và hoàn thiện thống kê sở, ngành và thống kê phường, xã; công tác củng cố và tăng cường nhân lực làm công tác thống kê Sở, ngành địa phương; thống kê xã phường.

- Thực hiện biểu số liệu 04A/UBND, 04B/UBND (phụ lục biểu kèm theo đề cương báo cáo).

#### **3. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư:**

- Báo cáo việc thực hiện bố trí nguồn vốn hợp pháp khác bổ sung thêm kinh phí cho hoạt động thống kê ở địa phương; Thực hiện biểu số liệu 05/UBND phân

**Kinh phí sử dụng cho hoạt động thống kê** ((phụ lục biểu kèm theo đề cương báo cáo).

**4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:**

- Báo cáo tình hình triển khai thực hiện đối với chế độ báo cáo thống kê cấp huyện, cấp xã; tình hình cập nhật và hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê cấp huyện, cấp xã.

Trên đây là Kế hoạch tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, UBND tỉnh đề nghị các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố phối hợp thực hiện bảo đảm tiến độ và mục đích, yêu cầu đề ra. Báo cáo của các đơn vị hoàn thành gửi về Cục Thống kê trước ngày 15/10/2020 để tổng hợp chuẩn bị Hội nghị Tổng kết của tỉnh (đề nghị các đơn vị cung cấp file word qua địa chỉ email: [nnthang@gso.gov.vn](mailto:nnthang@gso.gov.vn); ĐT: 0251.3819049 để thuận lợi tổng hợp). Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Cục Thống kê để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo xử lý./.

**Nơi nhận:**

- Bộ KH và ĐT (Đề báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, THNC.



**CHỦ TỊCH**

**Cao Tiến Dũng**

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ: .....

**BIỆU SỐ 01/UBND**

**CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ LĨNH VỰC THỐNG KÊ ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH TRONG GIAI ĐOẠN 2011-2020**

(Kèm theo Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 08 / 10/2020 của UBND tỉnh)

| STT | Số, ký hiệu văn bản | Ngày ban hành | Trích yếu nội dung văn bản | Ghi chú |
|-----|---------------------|---------------|----------------------------|---------|
| A   | B                   | C             | D                          | E       |
| 1   |                     |               |                            |         |
| 2   |                     |               |                            |         |
| 3   |                     |               |                            |         |
| 4   |                     |               |                            |         |
| 5   |                     |               |                            |         |
| 6   |                     |               |                            |         |
| 7   |                     |               |                            |         |
| 8   |                     |               |                            |         |
| 9   |                     |               |                            |         |
| ... |                     |               |                            |         |

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ**

**GIAI ĐOẠN 2011 - 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số 2024/KH-UBND ngày 08 / 10 / 2020 của UBND tỉnh)

| STT | Tên hoạt động<br>(*) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã hoàn thành, ghi số 1</li> <li>- Chưa hoàn thành, ghi số 2</li> <li>- Chưa thực hiện, ghi số 3</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi tên sản phẩm đối với hoạt động đã hoàn thành</li> <li>- Ghi lý do đối với hoạt động chưa hoàn thành, chưa triển khai</li> </ul> |
|-----|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | B                    | 1                                                                                                                                                    | 2                                                                                                                                                                            |
| 1   |                      |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                              |
| 2   |                      |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                              |
| 3   |                      |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                              |
| 4   |                      |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                              |
| 5   |                      |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                              |
| 6   |                      |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                              |
| 7   |                      |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                              |
| 8   |                      |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                              |
| 9   |                      |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                              |
| ... |                      |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                              |

(\*) Ghi tên hoạt động theo Kế hoạch số 602/BKHĐT-TCTK ngày 9/2/2012 và Kế hoạch thực hiện CLTK11-20 UBND tỉnh,

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THÔNG KÊ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

(Kèm theo Kế hoạch số 2029/KH-UBND ngày 08/10/2020 của UBND tỉnh)

| STT | Tên chỉ tiêu thống kê | Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê (Đánh dấu x) |           |        |   |
|-----|-----------------------|-----------------------------------------------|-----------|--------|---|
|     |                       | Cấp tỉnh                                      | Cấp huyện | Cấp xã |   |
| A   | B                     | 1                                             | 2         | 3      | 4 |
| 1   |                       |                                               |           |        | 5 |
| 2   |                       |                                               |           |        |   |
| 3   |                       |                                               |           |        |   |
| 4   |                       |                                               |           |        |   |
| 5   |                       |                                               |           |        |   |
| 6   |                       |                                               |           |        |   |
| 7   |                       |                                               |           |        |   |
| 8   |                       |                                               |           |        |   |
| 9   |                       |                                               |           |        |   |
| ... |                       |                                               |           |        |   |

(\*) Ghi tên hoạt động theo Kế hoạch số 602/BKHDĐT-TCTK ngày 9/2/2012 và Kế hoạch thực hiện CLTK11-20 UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ: .....

BIỂU SỐ 04A/UBND

# SỐ CÔNG CHỨC VIÊN CHỨC LÀM THỐNG KÊ THUỘC SỞ, BAN, NGÀNH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 08/10/2020 của UBND tỉnh)

| STT | Tên Sở, ban ngành <sup>2</sup> | Năm 2010 (31/12/2010)     |                                 |                                                         | Năm 2020 (30/9/2020)      |                                 |                                                         |
|-----|--------------------------------|---------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------|
|     |                                | Tổng số CCVC làm thống kê | Trong đó:                       |                                                         | Tổng số CCVC làm thống kê | Trong đó:                       |                                                         |
|     |                                |                           | Số CCVC kiểm nhiệm làm thống kê | Số CCVC được cấp bằng hoặc chứng chỉ nghiệp vụ thống kê |                           | Số CCVC kiểm nhiệm làm thống kê | Số CCVC được cấp bằng hoặc chứng chỉ nghiệp vụ thống kê |
| A   | B                              | 1                         | 2                               | 3                                                       | 4                         | 5                               |                                                         |
| 1   |                                |                           |                                 |                                                         |                           |                                 |                                                         |
| 2   |                                |                           |                                 |                                                         |                           |                                 |                                                         |
| 3   |                                |                           |                                 |                                                         |                           |                                 |                                                         |
| 4   |                                |                           |                                 |                                                         |                           |                                 |                                                         |
| 5   |                                |                           |                                 |                                                         |                           |                                 |                                                         |
| 6   |                                |                           |                                 |                                                         |                           |                                 |                                                         |
| 7   |                                |                           |                                 |                                                         |                           |                                 |                                                         |
| 8   |                                |                           |                                 |                                                         |                           |                                 |                                                         |
| 9   |                                |                           |                                 |                                                         |                           |                                 |                                                         |
| ... |                                |                           |                                 |                                                         |                           |                                 |                                                         |

<sup>2</sup> Không bao gồm Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê cấp huyện thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ: .....

BIỂU SỐ 04B/UBND

**SỐ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẦN VÀ CÔNG CHỨC LÀM CÔNG TÁC THÔNG KÊ CỦA XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẦN**

(Kèm theo Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 08/10/2020 của UBND tỉnh)

**1. Số xã, phường, thị trấn tại thời điểm:**

- 31/12/2010:.....  
- 31/6/2020:.....

**2. Số công chức làm công tác thống kê:**

|   | Năm 2010 (31/12/2010)     |                                                                       | Năm 2020 (30/9/2020) |                                                                       |
|---|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------|
|   | Tổng số                   | Trong đó: Đã được cấp bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng công tác thống kê | Tổng số              | Trong đó: Đã được cấp bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng công tác thống kê |
|   | Tổng số                   |                                                                       |                      |                                                                       |
|   | Chia ra:                  |                                                                       |                      |                                                                       |
| - | Chuyên trách làm thống kê |                                                                       |                      |                                                                       |
| - | Kiểm nhiệm làm thống kê   |                                                                       |                      |                                                                       |

## CÁC SỐ LIỆU KHÁC VỀ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ

GIAI ĐOẠN 2011-2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 08/10/2020 của UBND tỉnh)

| STT      | Nội dung                                                                 | Đơn vị tính | Giai đoạn |           | Ghi chú |
|----------|--------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------|-----------|---------|
|          |                                                                          |             | 2011-2015 | 2016-2020 |         |
| A        | B                                                                        | C           | 1         | 2         | 3       |
| <b>1</b> | <b>Phổ biến thông tin thống kê</b>                                       |             |           |           |         |
| -        | Tổng số ấn phẩm thống kê được biên soạn và phát hành                     | ấn phẩm     |           |           |         |
|          | Chia ra: - Niên giám thống kê (hoặc có tính chất như niên giám thống kê) | ấn phẩm     |           |           |         |
|          | - Báo cáo phân tích, dự báo thống kê                                     | ấn phẩm     |           |           |         |
|          | - Báo cáo chuyên đề                                                      | ấn phẩm     |           |           |         |
|          | - Ấn phẩm khác                                                           | ấn phẩm     |           |           |         |
| -        | Tỷ lệ đầy đủ của số liệu thống kê*                                       | %           |           |           |         |
| -        | Tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê**                              |             |           |           |         |
| <b>2</b> | <b>Kinh phí sử dụng cho hoạt động thống kê<sup>3</sup></b>               |             |           |           |         |
| -        | Tổng số kinh phí sử dụng cho hoạt động thống kê                          | triệu đồng  |           |           |         |
|          | Chia ra: - Từ nguồn ngân sách nhà nước                                   | triệu đồng  |           |           |         |
|          | Trong đó: Tổng kinh phí thực hiện CLTH11-20                              | triệu đồng  |           |           |         |
|          | - Từ các nguồn khác                                                      | triệu đồng  |           |           |         |
|          | Trong đó: Tổng kinh phí thực hiện CLTH11-20                              | triệu đồng  |           |           |         |
| <b>3</b> | <b>Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê</b>                |             |           |           |         |
| -        | Tổng số vụ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê            | vụ          |           |           |         |

**PHỤ LỤC**  
**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT**  
**TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011-2020 VÀ TẦM NHÌN**  
**ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số 12029/KH-UBND ngày 08/10 của UBND tỉnh Đồng Nai)  
2020.

Phạm vi báo cáo, đánh giá:

- Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 được ban hành kèm theo Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 18/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Chiến lược thống kê giai đoạn 2011 – 2020)
- Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 được ban hành kèm theo Công văn số 602/BKHĐT – TCTK ngày 12/2/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (sau đây gọi tắt là Kế hoạch 602)
- Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 của Tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Công văn số 61/UBND-TH ngày 27/4/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai.

**I. KHÁI QUÁT CÔNG TÁC THỐNG KÊ CỦA TỈNH.**

- Đặc điểm, tình hình nổi bật về công tác thống kê địa phương ( về tổ chức, nhân sự làm công tác thống kê; về hoạt động thống kê và quản lý nhà nước về thống kê...)
- Đánh giá vị trí, vai trò của thống kê đối với sự phát triển của địa phương;
- Những khó khăn, thách thức cơ bản đặt ra đối với công tác thống kê trong 10 năm qua; những yêu cầu cơ bản đối với thống kê trong 10 năm tới.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH CỦA CHIẾN LƯỢC THỐNG KÊ GIAI ĐOẠN 2011-2020.**

**1. Kết quả công tác chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược thống kê giai đoạn 2011 – 2020.**

- a. Công tác tuyên truyền, phổ biến Chiến lược Thống kê giai đoạn 2011 – 2020, kế hoạch 602, kế hoạch thực hiện Chiến lược thống kê của tỉnh;
- b. Công tác ban hành văn bản triển khai thực hiện;

c. Công tác hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện;

d. Công tác chủ trì, phối hợp thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao ( ghi số liệu vào biểu 01/UBND gửi kèm)

## **2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chương trình hành động của Chiến lược thống kê giai đoạn 2011 – 2020**

a. Số lượng các hoạt động đã thực hiện so với kế hoạch thực hiện Chiến lược của địa phương (số liệu ghi vào biểu 02/UBND gửi kèm)

b. Đánh giá hiệu quả của Chiến lược thống kê giai đoạn 2011 – 2020

- Đánh giá tác động của việc triển khai thực hiện Chiến lược thống kê trong 10 năm qua;

- Nếu những kinh nghiệm, mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả của địa phương trong quá trình thực hiện Chiến lược thống kê.

c. Kinh phí thực hiện Chiến lược thống kê giai đoạn 2011- 2020

- Kinh phí do ngân sách nhà nước cấp;

- Kinh phí huy động từ nguồn xã hội hóa hoặc các nguồn thu hợp pháp khác; (ghi số liệu vào biểu 05/UBND gửi kèm)

d. Tổ chức bộ máy và người làm công tác thống kê của địa phương.

- Kiện toàn tổ chức thống kê của địa phương

- Bố trí người làm công tác thống kê của địa phương.

( ghi số liệu vào Biểu 04A/UBND, Biểu 04B/UBND gửi kèm)

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện Chiến lược thống kê

2. Kết quả đạt được

3. Hạn chế, tồn tại

4. Nguyên nhân của các hạn chế

5. Bài học kinh nghiệm

## **IV. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI**

- Phương hướng, nhiệm vụ thời gian tới:

- Các giải pháp:

- + Các giải pháp về ban hành văn bản thể chế.
- + Các giải pháp về tổ chức, bộ máy.
- + Các giải pháp về nhân lực (tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng)
- + Các giải pháp về công nghệ thông tin
- + Các giải pháp về hợp tác, chia sẻ thông tin thống kê
- + Các giải pháp về tuyên truyền, phổ biến thông kê
- + Các giải pháp về kinh phí

## **V. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ**